

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

---



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH/NGHỀ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (UDPM)**  
**MÃ NGÀNH/NGHỀ: 6480202**  
**TRÌNH ĐỘ: LIÊN THÔNG**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 585/QĐ-CDNCN, ngày 8 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Công nghiệp Hà Nội*

**Hà Nội, Năm 2024**

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)**

**Trình độ đào tạo: LIÊN THÔNG**

**Mã ngành, nghề: 6480202**

**Điều kiện đầu vào:**

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành, nghề và bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;

- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nhưng chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai.

**Thời gian đào tạo/thời gian khóa học:** Từ 01 đến 1,5 năm học

### **1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo:**

Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) trình độ liên thông là nghề ứng dụng phần mềm tin học để khai thác, xử lý, vận hành trên một hệ thống công nghệ thông tin để tạo nên thành phẩm là một sản phẩm kỹ thuật số, đa phương tiện, một bộ cơ sở dữ liệu hoặc một bộ các thông tin dưới dạng văn bản và số hóa đúng yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế, đạt năng suất chất lượng và đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Các công việc của nghề bao gồm cài đặt nâng cấp các hệ thống phần mềm, khai thác phần mềm phục vụ hoạt động của đơn vị và tư vấn giải pháp của phần mềm phù hợp với đơn vị tổ chức, doanh nghiệp.

Người làm nghề công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm) làm việc với máy tính trong môi trường Công nghệ thông tin tại các công ty phần mềm hay các bộ phận phát triển phần mềm ứng dụng của các doanh nghiệp, các tổ chức về tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tập đoàn kinh tế, các tổ chức nhà nước có yêu cầu về ứng dụng phần mềm máy tính; tính chất công việc đòi hỏi tính cẩn trọng, an toàn điện, bảo mật dữ liệu và mang tính tập thể, làm việc nhóm; vì vậy, người hành nghề cần phải có đủ sức

khỏe, có tâm về nghề nghiệp và có đủ năng lực kiến thức kỹ năng chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ, có khả năng tổ chức và quản lý công việc.

## **2. Mục tiêu đào tạo:**

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo liên thông cao đẳng nghề Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) hướng tới mục tiêu đào tạo kỹ sư thực hành công nghệ thông tin chuyên sâu về phát triển ứng dụng (lập trình và phát triển dự án phần mềm). Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể: có đủ kiến thức, kỹ năng và năng lực để hiệu được hiện trạng hệ thống thông tin quản lý của một số loại hình doanh nghiệp; biết lập kế hoạch và triển khai ứng dụng phần mềm; tham gia quản lý dự án phát triển phần mềm cho doanh nghiệp hoặc phát triển các dự án nhỏ để tự mình khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển phần mềm; có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm một cách chủ động, sáng tạo; biết ứng dụng công nghệ vào công việc một cách hiệu quả đáp ứng được các nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực kỹ thuật cao của nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

#### 2.2.1. Kiến thức

- Giải thích được các kiến thức cơ bản về máy tính; Công nghệ thông tin và các thuật ngữ chuyên ngành;
- Trình bày được các thông số về hệ điều hành, phần cứng, phần mềm máy tính; An ninh an toàn thông tin;
- Trình bày được các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin như: bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục các sự cố hỏng hóc thông thường của máy tính và mạng máy tính;
- Trình bày được các kỹ thuật lập bảng khảo sát, bảng câu hỏi lấy yêu cầu từ khách hàng chuẩn bị cho xây dựng phần mềm ứng dụng;
- Xác định được quy trình bàn giao ca, ghi nhật ký công việc;
- Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo hộ lao động và môi trường trong quá trình làm việc;
- Trình bày được quy trình, phương thức phân tích và thiết kế ứng dụng phần mềm;

- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- Lập kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu, hệ thống mạng máy tính;
- Xác định được quy trình xử lý dữ liệu;
- Đánh giá được các yếu tố đảm bảo an toàn dữ liệu;
- Đánh giá được quy mô, hiện trạng của mạng máy tính;
- Giải thích được nguyên lý hoạt động của mạng máy tính, quản trị mạng máy tính;
- Giải thích được các kiến thức về lập trình, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, thiết kế web, thiết kế Game;
- Giải thích được kiến thức về công nghệ phần mềm, quản trị dự án công nghệ thông tin;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

### 2.2.2. Kỹ năng

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- Cài đặt được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm máy tính;
- Cài đặt được hệ quản trị cơ sở dữ liệu phục vụ sao lưu, phục hồi, truy vấn và bảo mật cơ sở dữ liệu;
- Kết nối, điều khiển được máy tính và các thiết bị ngoại vi, mạng máy tính;
- Phân tích, tổ chức và thực hiện đúng quy trình vệ sinh các trang thiết bị cũng như kỹ năng sử dụng thiết bị an toàn lao động, kỹ năng đảm bảo an toàn trong lao động nghề nghiệp;
- Lắp ráp, kết nối, sử dụng được hệ thống máy tính và các thiết bị ngoại vi, thiết bị an ninh;
- Hỗ trợ, tìm hiểu được nhu cầu của khách hàng, tư vấn cho khách hàng, hình thành sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;
- Tra cứu được tài liệu trên Internet bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh phục vụ cho yêu cầu công việc;

- Hướng dẫn được các thợ bậc thấp hơn;
- Ghi được nhật ký cũng như báo cáo công việc, tiến độ công việc;
- Thực hiện được các biện pháp vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động;
- Xây dựng được các bài thuyết trình, thảo luận, làm chủ tình huống;
- Phát triển được ứng dụng, sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng;
- Thiết kế, xây dựng được cơ sở dữ liệu theo yêu cầu, tính chất của công việc được giao;
- Sao lưu, phục hồi được dữ liệu đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;
- Thiết kế, xây dựng được hệ thống mạng cơ bản;
- Xây dựng được các hệ thống thông tin đáp ứng kỳ vọng của khách hàng;
- Triển khai, cài đặt, vận hành (quản trị) được hệ thống thông tin cho doanh nghiệp;
- Giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống;
- Quản lý được nhóm, giám sát được hệ thống công nghệ thông tin vừa và nhỏ.
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### 2.2.3. Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm

- Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, luôn phấn đấu để hoàn thành nhiệm vụ: Xác định chính xác thông tin về nơi làm việc: quy mô, trang thiết bị, nhà xưởng, nội quy, quy định. Xác định đúng mục đích, yêu cầu, sản phẩm, nội quy của công việc;
- Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- Chấp hành được các qui định pháp luật, chính sách của nhà nước. Trách nhiệm công dân pháp luật về CNTT, sở hữu trí tuệ;

- Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Chịu trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát cấp dưới thực hiện nhiệm vụ xác định;

- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Phân loại các phế phẩm như thiết bị phần cứng máy tính, mực in,... vào đúng nơi quy định tránh ô nhiễm môi trường.

### **3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

- Chuyên viên khai thác dịch vụ công nghệ thông tin;

- Chuyên viên quản trị hệ thống phần mềm;

- Chuyên viên quản lý dữ liệu;

- Lập trình viên phần mềm ứng dụng;

- Chuyên viên thiết kế và xây dựng hệ thống mạng LAN;

- Chuyên viên bảo trì hệ thống máy tính;

- Chuyên viên tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng;

- Chuyên viên kiểm thử phần mềm;

- Chuyên viên thiết kế và quản trị website;

- Tự khởi nghiệp trong lĩnh vực phát triển phần mềm ứng dụng.

### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập:**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **990 giờ/ 32 tín chỉ.**

- Số lượng môn học, mô đun: **13**

- Khối lượng các môn chung: **180 giờ/ 8 tín chỉ.**
- Khối lượng các mô học, mô đun chuyên môn: **810 giờ/ 24 tín chỉ.**
- Khối lượng lý thuyết: **250 giờ**; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **693 giờ**; kiểm tra: **47 giờ**

### 5. Tổng hợp năng lực của ngành, nghề:

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Khả năng hiểu biết chính trị, pháp luật, quốc phòng, an ninh
2	NLCB-02	Tự rèn luyện sức khỏe
3	NLCB-03	Tiếng Anh bậc 2/6
4	NLCB-04	Sử dụng tin học cơ bản
5	NLCB-05	Thuyết phục, đàm phán, thương lượng, tư duy và trình bày vấn đề bằng cả văn bản và lời nói
6	NLCB-06	Thực hiện sơ cứu cơ bản
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Nghiên cứu, tìm lỗi của hệ thống phần mềm
8	NLCL-02	Chuẩn bị báo cáo về ứng dụng, sản phẩm Công nghệ thông tin
9	NLCL-03	Quản trị, cấu hình phần cứng và các ứng dụng trên hệ thống máy chủ
10	NLCL-04	Quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu của các hệ thống dịch vụ

<b>TT</b>	<b>Mã năng lực</b>	<b>Tên năng lực</b>
11	NLCL-05	Tạo môi trường giả lập cho hệ thống phần mềm
12	NLCL-06	Triển khai các giải pháp bảo vệ dữ liệu
13	NLCL-07	Tối ưu hóa truy vấn cơ sở dữ liệu
14	NLCL-08	Thử nghiệm phần mềm
15	NLCL-09	Lập trình Web
16	NLCL-10	Phát triển phần mềm ứng dụng
17	NLCL-11	Triển khai hệ thống mạng LAN đảm bảo tính bảo mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng
18	NLCL-12	Lập kế hoạch sửa chữa bảo hành, bảo trì máy tính
19	NLCL-13	Nghiệm thu hệ thống
20	NLCL-14	Lập trình trên thiết bị di động
21	NLCL-15	Đưa ứng dụng trên môi trường triển khai
22	NLCL-16	Nghiên cứu và hoàn thiện các thông tin liên quan tới ứng dụng, sản phẩm Công nghệ thông tin
23	NLCL-17	Triển khai các hệ thống phần mềm
III	Năng lực nâng cao	
24	NLNC-01	Đánh giá và so sánh hiệu suất hệ thống phần mềm
25	NLNC-02	Quản lý yêu cầu phần mềm
26	NLNC-03	Chuẩn đoán các lỗi của hệ thống phần mềm



<b>TT</b>	<b>Mã năng lực</b>	<b>Tên năng lực</b>
27	NLNC-04	Xác định giải pháp, lập kế hoạch sao lưu, bảo trì dữ liệu

### 6. Nội dung chương trình

<b>Mã MH/ MĐ</b>	<b>Ghi chú</b>	<b>Tên môn học/mô đun</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Thời gian học tập (giờ)</b>			
				<b>Tổng số</b>	<b>Trong đó</b>		
					<b>Lý thuyết</b>	<b>Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận</b>	<b>Thi/ kiểm tra</b>
<b>I</b>		<b>Các môn học chung</b>	<b>8</b>	<b>180</b>	<b>70</b>	<b>99</b>	<b>11</b>
6L0001	MH	Giáo dục chính trị	3	45	26	16	3
6L0002	MH	Pháp luật	1	15	9	5	1
6L0003	MH	Giáo dục thể chất	1	30	1	27	2
6L0004	MH	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	30	15	14	1
6L0005	MH	Tin học	1	30	7	21	2
6L0006	MH	Tiếng Anh	1	30	12	16	2
<b>II</b>		<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề</b>	<b>24</b>	<b>810</b>	<b>180</b>	<b>594</b>	<b>36</b>
<b>II.1</b>		<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

Mã MH/ MĐ	Ghi chú	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Thi/ kiểm tra
<b>II.2</b>		<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>24</b>	<b>810</b>	<b>180</b>	<b>594</b>	<b>36</b>
6L0207	MĐ	Hệ điều hành Linux	2	60	20	36	4
6L0208	MĐ	Lập trình ADO.Net	3	90	30	54	6
6L0209	MĐ	Lập trình Javascript	2	60	20	36	4
6L0210	MĐ	Lập trình web với PHP	3	90	30	54	6
6L0211	MĐ	Thực tập tốt nghiệp	8	360	30	324	6
6L0212	MĐ	Xây dựng website thương mại điện tử	3	75	25	45	5
6L0213	MĐ	Xây dựng phần mềm quản lý	3	75	25	45	5
<b>Tổng cộng</b>			<b>32</b>	<b>990</b>	<b>250</b>	<b>693</b>	<b>47</b>

**Lưu ý:**

- Đối với các môn học, mô đun chuyên môn khối lượng kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành phải đảm bảo tỷ lệ:

+ Lý thuyết chiếm từ 30% -50%;

+ Thực hành, thực tập, thí nghiệm chiếm từ 30%-70%.

- Đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo: Thời gian học tập tính theo giờ và được quy ra đơn vị tín chỉ để xác định khối lượng học tập tối thiểu tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Đơn vị thời gian trong chương trình đào tạo được tính quy đổi như sau:

+ Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ, tín chỉ trong chương trình;

+ Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút;

## **7. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

7.1. Các môn học chung bắt buộc gồm môn học Giáo dục an ninh quốc phòng; Tin học; Giáo dục thể chất; Pháp luật; Giáo dục chính trị và Tiếng Anh trình độ Trung cấp, Cao đẳng thực hiện theo chương trình được ban hành tại Thông tư số 10/2018/TT-BTBXH, Thông tư số 11/2018/TT-BTBXH, Thông tư số 12/2018/TT-BTBXH, Thông tư số 13/2018/TT-BTBXH; Thông tư số 24/2018/TT-BTBXH ban hành ngày 26/9/2018 và Thông tư số 03/2019/TT-BTBXH ban hành ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Giáo dục an ninh quốc phòng; Tin học; Giáo dục thể chất; Pháp luật; Giáo dục chính trị và Tiếng Anh trình độ Trung cấp, Cao đẳng.

7.2. Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ.

- Lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký học tập của người học ở từng học kỳ. Hiệu trưởng quy định số lượng người học tối thiểu cho mỗi lớp học lý thuyết, thực hành đảm bảo điều kiện tổ chức đào tạo phù hợp với tình hình thực tiễn;

- Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô đun chậm tiến độ ở học kỳ chính,

hoặc học lại các môn học, mô đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học, mô đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

### 7.3. Đào tạo theo niên chế.

Đào tạo theo niên chế được tổ chức theo năm học, một năm học có 2 học kỳ, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô đun. Ngoài hai học kỳ chính, hiệu trưởng xem xét quyết định tổ chức thêm kỳ học phụ để người học có điều kiện được học lại, học bù. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học cộng với thời gian thi kết thúc môn học, mô đun.

7.4. Thời gian tổ chức giảng dạy, học tập tùy thuộc vào điều kiện và hoàn cảnh thực tế được quy định cụ thể trong quy chế đào tạo của trường, do Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thời gian giảng dạy, học tập được thực hiện trong thời gian từ 06 giờ đến 22 giờ hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện.
- Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của nhà trường, do Hiệu trưởng quyết định.
- Thời gian giảng dạy, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quy định của pháp luật về thời gian làm việc.

7.5. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Nhà trường có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập, trải nghiệm và thực tập doanh nghiệp, tham gia sản xuất trực tiếp tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh;
- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 05 giờ đến 06 giờ và từ 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng, sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày, từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần).
3	Hoạt động thư viện; Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt định kỳ theo kế hoạch hoặc chuyên đề.
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun.

7.6. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp:

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐ của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2022, quy định về tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, Quy chế đào tạo hiện hành của Nhà trường.

7.7. Bảng tổng hợp số bài (đầu điểm) thi và kiểm tra cho mỗi MH/MĐ:

Mã MH/MĐ	Ghi chú	Tên môn học/mô đun	Số đầu điểm kiểm tra hường xuyên	Số đầu điểm kiểm tra định kỳ	Thi kết thúc MH/MĐ	Tổng số đầu điểm thi và kiểm tra
<b>I</b>		<b>Các môn học chung</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>6</b>	<b>18</b>
6L0001	MH	Giáo dục chính trị	1	1	1	3

<b>Mã MH/MĐ</b>	<b>Ghi chú</b>	<b>Tên môn học/mô đơn</b>	<b>Số đầu điểm kiểm tra hường xuyên</b>	<b>Số đầu điểm kiểm tra định kỳ</b>	<b>Thi kết thúc MH/MĐ</b>	<b>Tổng số đầu điểm thi và kiểm tra</b>
6L0002	MH	Pháp luật	1	1	1	3
6L0003	MH	Giáo dục thể chất	1	1	1	3
6L0004	MH	Giáo dục quốc phòng và an ninh	1	1	1	3
6L0005	MH	Tin học	1	1	1	3
6L0006	MH	Tiếng Anh	1	1	1	3
<b>II</b>		<b>Các môn học, mô đơn chuyên môn</b>	<b>7</b>	<b>16</b>	<b>7</b>	<b>30</b>
<b>II.1</b>		<b>Môn học, mô đơn cơ sở</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II.2</b>		<b>Môn học, mô đơn chuyên môn</b>	<b>7</b>	<b>16</b>	<b>7</b>	<b>30</b>
6L0207	MĐ	Hệ điều hành Linux	1	2	1	4
6L0208	MĐ	Lập trình ADO.Net	1	3	1	5
6L0209	MĐ	Lập trình Javascript	1	2	1	4
6L0210	MĐ	Lập trình web với PHP	1	3	1	5
6L0211	MĐ	Thực tập tốt nghiệp	1	2	1	4

<b>Mã MH/MĐ</b>	<b>Ghi chú</b>	<b>Tên môn học/mô đun</b>	<b>Số đầu điểm kiểm tra hường xuyên</b>	<b>Số đầu điểm kiểm tra định kỳ</b>	<b>Thi kết thúc MH/MĐ</b>	<b>Tổng số đầu điểm thi và kiểm tra</b>
6L0212	MĐ	Xây dựng website thương mại điện tử	1	2	1	4
6L0213	MĐ	Xây dựng phần mềm quản lý	1	2	1	4
		<b>Tổng cộng</b>	<b>13</b>	<b>22</b>	<b>13</b>	<b>48</b>

**HIỆU TRƯỞNG**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Hương**